TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Tổ sư Liễu Quán: Từ Thảo Am Thiên Thai đến mạch nguồn di sản ngàn năm

ISSN: 2734-9195 09:30 16/11/2026

Tổ sư Liễu Quán ra đi, nhưng ngọn hải đăng chánh pháp do Ngài thắp lên từ mái thảo am Thiên Thai vẫn tiếp tục soi sáng con đường tu học của hàng triệu tăng ni, Phật tử Việt Nam.

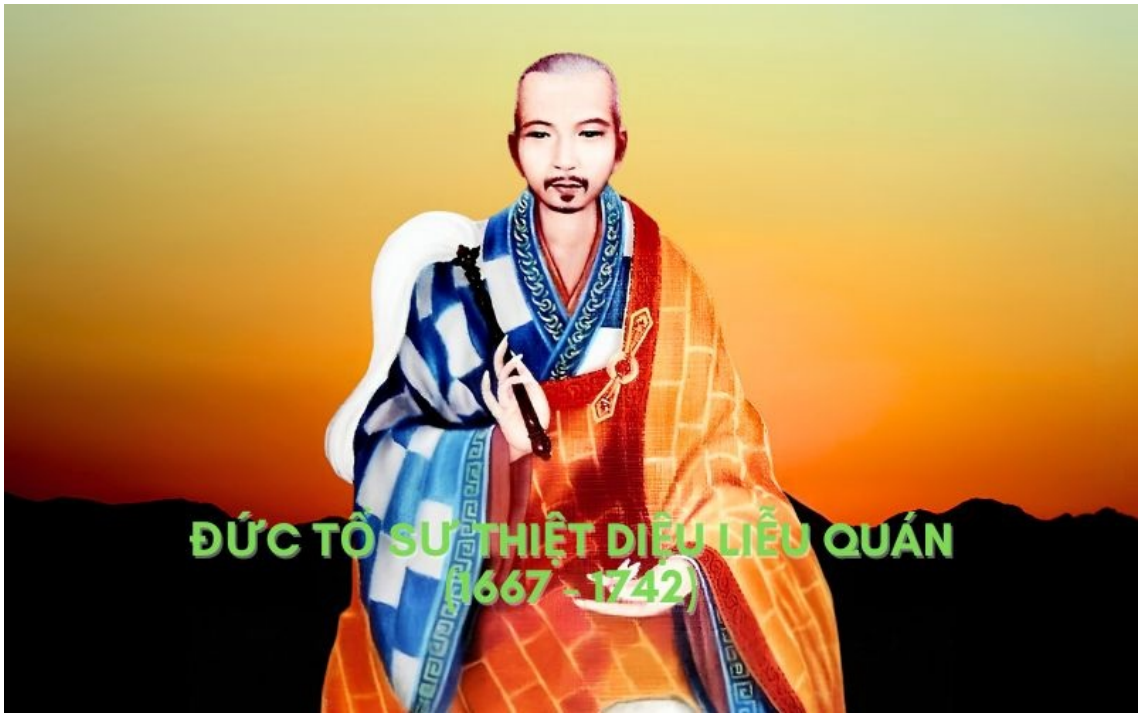
Tác giả: **Đặng Việt Thủy**

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 11/2026

Trong lịch sử Phật giáo Việt Nam, sự ra đời của Thiền phái Liễu Quán vào thế kỷ XVIII là một cột mốc lớn, định hình nên bản sắc độc lập, tự chủ của Phật giáo nước nhà. Từ một chú tiểu mồ côi vùng đất Phú Yên gian khó, Tổ sư Liễu Quán (1667 - 1742) bằng chí nguyện xuất trần kiên định đã đạt đến cảnh giới đại ngộ chốn thiền môn. Không chỉ là một bậc cao tăng thạc đức được vương triều kính ngưỡng, Ngài còn là người khai sơn dòng thiền mang đậm cốt cách Việt, đồng hành cùng bước chân mở cõi về phương Nam của dân tộc.

1. Hành trình gian khổ và ý chí tầm sư học đạo

Tổ sư Liễu Quán, tước hiệu Thiệt Diệu, sinh năm Đinh Mùi (1667) trong một gia đình bần hàn tại làng Bạch Mã, huyện Đồng Xuân, phủ Phú Yên (sau là thị trấn Chí Thạnh, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên), nay thuộc tỉnh Đắk Lắk. Sớm chịu cảnh mồ cô mẹ từ năm lên 6 tuổi, cơ duyên đưa đẩy Ngài được cha đưa đến bái Hòa thượng Tế Viên tại chùa Hội Tôn làm thầy, nương nhờ cửa Phật. Sự mất mát sớm từ thuở thiếu thời cùng cảnh đời vô thường đã sớm hun đúc trong Ngài một chí nguyện thoát ly sinh tử mãnh liệt.



Hình minh họa. Nguồn: Internet

Khi vị bổn sư đầu tiên viên tịch, người học trò nhỏ Liễu Quán mới 19 tuổi đã lên đường, lội bộ hàng trăm dặm ra Thuận Hóa để tiếp tục tầm sư học đạo. Ngài từng có giai đoạn phải ngừng tu việc học, ẩn tu hái rau, hái củi phụng dưỡng cha già đau yếu tại quê nhà cho đến khi cha qua đời năm 1695. Trải qua muôn vàn thử thách từ thể xác đến tinh thần, Ngài thọ giới Cụ túc tại giới đàn chùa Thiền Lâm năm 1697. Đây chính là thời khắc Ngài chính thức bước vào hàng ngũ các bậc đại tăng, mở đường cho sự nghiệp đại ngộ và khai tông lập phái sau này.

Bước ngoặt lớn nhất trên đường đạo của Ngài diễn ra vào năm 1702, khi Ngài đến chùa Ấn Tôn (Huế) tham học với Thiền sư Minh Hoằng Tử Dung - một bậc thạc đức dòng Lâm Tế người Trung Hoa. Được trao công án: "*Vạn pháp quy nhất, nhất quy hà xứ*" (Muôn pháp về một, một về chỗ nào?), Ngài đã trải qua nhiều năm tháng dốc lòng trì chí, tham cứu đến quên ăn quên ngủ. Vào mùa xuân năm 1708, sau khi đọc cuốn Truyền Đăng Lục, chạm đến câu "*Chỉ vật truyền tâm, đồng dạng thủ biện*". Ngài hoàn toàn đại ngộ. Sự chứng ngộ này được Tổ sư Tử Dung ấn khả, truyền trao chánh pháp, chính thức công nhận Ngài là bậc tiếp nối đèn thiền.

2. Từ thảo am đơn sơ đến trung tâm hoằng pháp to lớn

Sau khi đắc pháp, Tổ sư Liễu Quán không chọn chốn phồn hoa đô hội mà tìm đến vùng núi Thiên Thai hoang vu phía nam kinh thành Thuận Hóa. Tại đây, vào

năm 1708, ngài dựng một thảo am tranh tre nhỏ để độc cư tịnh tu, quán chiếu tự tâm. Ngôi thảo am đơn sơ khuất sau rặng núi ngày ấy chính là tiền thân của Tổ đình Thuyền Tôn danh tiếng sau này - nơi phát tích và khơi nguồn cho dòng thiền thuần Việt.

Đạo hạnh của Tổ sư như hương thơm ngược gió, lan tỏa khắp chốn vương triều lẫn dân gian. Ngài liên tục được cung thỉnh làm Đường đầu Hòa thượng - vị thầy tối cao truyền giới - tại các Đại giới đàn quy mô lớn tại miền Trung như giới đàn chùa Thuyền Tôn (1733), chùa Vân Diệp (1735), chùa Long Đức (1740). Hàng ngàn vạn tăng ni, Phật tử đã quy hướng, thọ nhận giới pháp từ Ngài, biến vùng đất Thuận Hóa trở thành một trung tâm Phật giáo hưng thịnh bậc nhất xứ Đàng Trong.

Dù được Định vương Nguyễn Phúc Chú và Võ vương Nguyễn Phúc Khoát đặc biệt kính trọng, nhiều lần hạ chiếu thỉnh vào cung lãnh thưởng, Tổ sư Liễu Quán vẫn giữ vẹn cốt cách thanh cao của một bậc tu hành lâm tuyền, khước từ mọi vinh hoa phú quý để chuyên tâm độ hóa chúng sinh.

Ngày 22 tháng 11 năm Nhâm Tuất (1742), Tổ sư an nhiên thu thần thị tịch sau khi dặn dò đồ chúng bình thản trước lý vô thường. Cảm kích trước đức độ của Ngài, chúa Nguyễn Phúc Khoát đã ban thụy hiệu cao quý: Đạo Hạnh Thụy Chánh Giác Viên Ngộ Hòa Thượng, đồng thời cấp tài lực xây dựng bảo tháp phụng thờ Ngài trang nghiêm tại núi Thiên Thai.

Văn bia tháp mộ của Tổ sư Liễu Quán tại núi Thiên Thai (Huế) là một bảo vật lịch sử vô giá dựng vào năm Mậu Thìn (1748). Tấm văn bia này mang giá trị đặc biệt khi kết hợp giữa đạo hạnh Phật giáo và quyền lực thế quyền: nội dung bài minh bia do Hòa thượng Thiện Kế (người Phúc Kiến, Trung Hoa) phụng thảo, nhưng toàn bộ quá trình xác lập dựng bia đều do Chúa Võ vương Nguyễn Phúc Khoát sắc lệnh chỉ bản và cho đóng dấu triện vuông "Quốc chủ ngự bút chi bảo".

Nội dung cốt lõi của tấm văn bia 1.500 chữ Hán được chia làm bốn phần chính:

Một là, ca ngợi đạo phong thanh cao và khí tiết xuất trần: Văn bia tôn vinh chí nguyện kiên định, buông bỏ vinh hoa để tìm cầu chánh pháp của Tổ sư:

"Sự đời cao thượng, chí để nơi lâm tuyền tĩnh mịch... Cuộc thế ngày nay đang lúc đạo pháp suy đồi, người có thể đảm đương việc lớn như Hòa thượng Liễu Quán quả là rất hiếm".

"Hành hóa thị bang, độ nhân vô số, khế Phật Tổ tâm, đoạn nạp tử mạng, hành giả chân thật" (Hành hóa đất này, cứu độ vô số người, hợp với tâm Phật Tổ, giữ

mạng mạch nhà thiền, hành giải chân thật).

Hai là, ghi chép hành trạng, chặng đường ngộ đạo và hóa độ của Tổ sư.

Ba là, mô tả bối cảnh thị tịch (viên tịch) đầy thiền vị của Tổ sư: Văn bia tái hiện khoảnh khắc cuối cùng của Ngài vào ngày 22 tháng 11 năm Nhâm Tuất (1742) một cách vô cùng bình thản. Ngài dặn đồ chúng không được khóc vì "đường đi nẻo về của ta đã rõ ràng". Răn dạy đệ tử về sự nhanh chóng của vô thường và phải siêng năng tu học Bát Nhã. Sau khi hỏi đồ chúng "Đã đến giờ Mùi chưa?", Ngài thu thần, kết già an nhiên thị tịch.

Phần kết của văn bia thể hiện sự tiếc thương sâu sắc của đấng quân chủ đương thời là chúa Nguyễn Phúc Khoát (như trên đã trình bày).

3. Mạch nguồn di sản ngàn năm cho Phật giáo nước nhà

Đóng góp to lớn nhất, mang tính lịch sử của Tổ sư Liễu Quán cho nền Phật giáo nước nhà chính là việc soạn thảo Bài kệ truyền pháp gồm 48 chữ. Đây là hệ thống phân định thế hệ truyền thừa độc lập hoàn toàn bằng tinh thần cốt cách Việt Nam:

"*Thật Tế Đại Đạo*

Tánh Hải Thanh Trừng

Tâm Nguyên Quảng Nhuận

Đức Bổn Từ Phong

Giới Định Phước Huệ

Thể Dụng Viên Thông

Vĩnh Siêu Trí Quả

Mật Khế Thành Công

Truyền Trì Diệu Lý

Diễn Xướng Chánh Tông

Hạnh Giải Tương Ưng

Đạt Ngộ Chơn Không".

Trước thời kỳ của Ngài, Phật giáo Đàng Trong chủ yếu chịu ảnh hưởng bởi các thiền phái du nhập từ Trung Hoa. Bài kệ truyền thừa của Tổ sư Liễu Quán đã phân định một hệ thống pháp quy, thế hệ truyền pháp hoàn toàn độc lập, mang đậm bản sắc và tâm hồn của người Việt. Dòng thiền Liễu Quán khéo léo dung hợp sự cao siêu, uyên bác của Thiền tông với tính chất bình dị, từ bi của Tịnh Độ tông, rất phù hợp với đời sống tâm linh của người dân bản địa.

Suốt gần 300 năm qua, mạch nguồn ấy chưa bao giờ ngắt quãng. Hầu hết các bậc cao tăng, cư sĩ hộ pháp danh tiếng tại miền Trung và miền Nam (trong đó có Chưởng Thái giám - cư sĩ Tế Ý) đều là hậu duệ nối pháp theo bài kệ này. Ngay đến phong trào Chấn hưng Phật giáo Việt Nam thế kỷ XX với những tên tuổi lẫy lừng như Hòa thượng Giác Tiên, Tịnh Khiết... cũng bước ra từ chiếc nôi sơn môn Liễu Quán.

Lời kết

Văn bia tháp mộ của Tổ sư dựng năm 1748, có đóng dấu triện vuông của Chúa Nguyễn, đã đúc kết trọn vẹn về Ngài: "Hành hóa đất này, cứu độ vô số người, hợp với tâm Phật Tổ, giữ mạng mạch nhà thiền". Tổ sư Liễu Quán ra đi, nhưng ngọn hải đăng chánh pháp do Ngài thắp lên từ mái thảo am Thiên Thai vẫn tiếp tục soi sáng con đường tu học của hàng triệu tăng ni, Phật tử Việt Nam. Di sản của Ngài không chỉ dừng lại kiến trúc tháp mộ hay trang sử cũ, mà đã hòa cùng dòng máu tươi nguyên, trở thành mạch nguồn tâm linh bất tận lưu truyền đến ngàn năm.

Tác giả: **Đặng Việt Thủy**

Bài đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Phật học bản in Số tháng 11/2026

Tài liệu tham khảo:

- Đại đức Thiện Kế phụng thảo (1748), Bi minh tháp Tổ sư Liễu Quán, bia đá gan gà nguyên bản tại tháp mộ Tổ sư, núi Thiên Thai, phường An Tây, TP. Huế.

- Quốc sử quan triều Nguyễn, Đại Nam nhất thống chí, Tập 1, Nxb Thuận Hóa, Huế - 2006.

- Nhiều tác giả, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học: Thiền phái Liễu Quán: Lịch sử hình thành và phát triển, Nxb Thuận Hóa, Huế - 2016.